

BÁO CÁO

Tình hình điều tiết nước phục vụ sản xuất
(từ ngày 3/5/2025 đến 9/5/2025)

I. TÌNH HÌNH XUỐNG GIỐNG VỤ HÈ THU 2025 đến ngày 09/5/2025 là 4.378,3 ha, cụ thể:

1. Khu vực Củ Chi: 4.279,3 ha; cụ thể:

– Lúa: 3.851,9 ha (Trung Lập Thượng: 1.008,6 ha, Trung Lập Hạ: 418,1 ha, Thái Mỹ: 316,0 ha, Phước Thạnh: 458,5 ha, Phước Hiệp: 119,5 ha, An Nhơn Tây: 161,3 ha, Nhuận Đức: 191,7 ha; Phú Mỹ Hưng: 24,0 ha; Phước Vĩnh An: 47,4 ha, Tân An Hội: 376,8 ha; Tân Thông Hội: 43,5 ha, Tân Phú Trung: 686,4 ha; An Phú – Phú Mỹ Hưng: 9,3 ha, Thai Thai – Bến Súc: 11,9 ha, Tân Thạnh Đông: 466,3 ha, Cây Xanh-Bà Bếp: 4,8 ha; Bắc rạch Tra: 28,0 ha, Láng The – Sông Lu: 62,3);

– Rau màu: 427,4 ha.

✓ Hiện nay khu vực đã thu hoạch 03 ha lúa vụ Hè Thu ở xã Phước Hiệp

2. Khu vực Hóc Môn – Bắc Bình Chánh: 99,0 ha:

– Lúa: 99 ha (Xuân Thới Sơn: 5,0 ha; Tân Kiên: 13,0 ha; Tân Nhựt: 21,0 ha; Lê Minh Xuân: 40,0 ha; Vĩnh Lộc B: 5,0 ha, Tân Tạo A: 15 ha)

II. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN, CẤP NƯỚC

1. Lượng nước sử dụng:

a. Lượng nước trong tuần qua CĐT K34 và CĐK N25 từ ngày 03/05/2025 đến ngày 09/05/2025: 8.633.207 m³, cụ thể:

Ngày	K34					N25	
	MNTL	MNHL	A	Q(m ³ /s)	W(m ³)	Q(m ³ /s)	W(m ³)
03/05/2025	13,73	13,43	0,9	10,25	885.879	3,96	342.224
04/05/2025	13,80	13,48	0,9	10,59	914.932	3,96	342.224
05/05/2025	13,62	13,35	0,9	9,73	840.419	3,67	316.838
06/05/2025	13,64	13,36	0,9	9,81	847.584	3,51	303.349
07/05/2025	13,66	13,35	0,9	11,26	972.864	3,67	316.838
08/05/2025	13,67	13,33	0,9	10,92	943.091	4,85	419.137
09/05/2025	13,66	13,37	0,9	10,08	870.990	3,67	316.838
Tổng cộng					6.275.759		2.357.448

b. Lượng nước sử dụng từ ngày 03/05/2024 đến 09/05/2025 là **182,42** triệu m³, bằng 96,344% so cùng kỳ và bằng 48,516% so kế hoạch năm (trong đó K34+644: 134,30 triệu m³, K0 – N25: 48,12 triệu m³).

c. Tình hình điều tiết nước: Tăng cường kiểm tra, phối hợp điều tiết vận hành công trình đảm bảo cấp đủ nước phục vụ sản xuất và cấp nước thô cho các nhà máy nước kênh Đông, khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi.

2. **Chất lượng nguồn nước kênh Đông:** Độ đục dao động từ (13,7 ÷ 21,6) NTU và pH dao động từ (6,97 ÷ 7,25).

3. Mực nước Hồ Dầu Tiếng: Dao động từ (20,70 ÷ 20,86) m.

Ngày	Mực nước năm 2025 (m)	Mực nước năm 2024 (m)
09/05/2025	20,70	19,35
08/05/2025	20,76	19,43
07/05/2025	20,81	19,40
06/05/2025	20,54	19,44
05/05/2025	20,84	19,47
04/05/2025	20,86	19,51
03/05/2025	20,85	19,56

4. Lượng mưa đo được tại các trạm:

STT	Trạm	Mưa trong tuần (mm)	Mưa lũy tiến trong năm 2025 (mm)
1	Xí nghiệp Củ Chi	15	107
2	N25-2	28	186
3	N31A (K0)	33	187
4	K41-KĐ	30	165
5	N25	15	142
6	N38	38	162
7	K9-N46	51	323
8	An Phú	10	172
9	Thai Thai - Bến Súc	57	162
10	Xí nghiệp HM-BC	52	183
11	Cụm T10	20	287
12	Cụm kênh C	3	97
13	Gò Dưa	87	201
14	Ba Thôn	25	227
15	Ông Đụng	7	219

5. Diễn biến mực nước triều, chất lượng nước trong tuần:**– Mực nước Max trong tuần:**

- + Cống Gò Dưa : + 1,12 m
- + Cống Ba Thôn : + 1,09 m
- + RT12 (bắc Rạch Tra) : + 0,93 m
- + Cống kênh C : + 1,12 m
- + Cống An Hạ : + 1,05 m

– **Chất lượng nước:**

STT	Vị trí	Độ pH		Độ mặn (2025) Ngày 08/05/2025		Độ mặn (2024) Ngày 10/05/2024	
		PS	PĐ	PS	PĐ	PS	PĐ
1	Cổng Tân Kiên	6,95	6,78	2,9	0,8	5,2	1,8
2	Cổng kênh C	6,84	6,67	2,3	0,5	4,5	0,7
3	Cổng kênh B	6,48	6,65	1,7	0,4	3,7	0,6
4	Cổng kênh A	6,72	6,54	1,2	0,4	3,2	0,5
5	Ngã ba Lý Mạnh	6,84		0,8		3,6	
6	Cổng cuối kênh Ranh	6,54		0,4		0,7	
7	Cổng An Hạ	6,44	6,53	0,2		0,7	
8	Cổng T10	6,58		0,2		0,2	

V.TÌNH HÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH:

- Công trình an toàn; Tổ chức trực và vận hành công trình đảm bảo an toàn; trữ nước phục vụ sản xuất, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp và ngăn triều cường;
- Khu vực 5 cổng ngăn triều Thủ Đức: Vận hành đảm bảo an toàn công trình, phục vụ tốt sản xuất và dân sinh trên khu vực;
- Tình hình vận hành công Ba Thôn, Đá Hàn: Vận hành công trình đúng quy trình, kiểm tra đảm bảo an toàn công trình, ngăn triều, tiêu thoát nước tốt phục vụ sản xuất.